

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Lý Thị Trúc M, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của anh Trần Thanh T và chị Lý Thị Trúc M là hôn nhân hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 11-11-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Ngày 30-8-2023, anh chị gửi đơn đến Tòa án yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con do cuộc sống chung vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được.

[2]. Về con chung: Anh chị thỏa thuận chị M được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Tú Q, sinh ngày 18-02-2013 và cháu Trần Ngọc Tú M, sinh ngày 25-7-2021, hiện chị M đang nuôi.

[3]. Về cấp dưỡng cho con: Anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) cho cháu Q và cháu M (mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng). Thực hiện từ tháng 9-2023 đến khi cháu Q, cháu M tròn 18 tuổi lao động được.

[4]. Về tài sản chung: anh chị thống nhất không có.

[5]. Về nợ chung: anh chị thống nhất không có.

[6]. Sau khi nhận đơn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 15 tháng 9 năm 2023 và xét thấy hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn; thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[7]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2023 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[8]. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh T và chị Lý Thị Trúc M.

- Về con chung: Chị Lý Thị Trúc M được trực tiếp nuôi cháu Trần Ngọc Tú Q, sinh ngày 18-02-2013 và Trần Ngọc Tú M, sinh ngày 25-7-2021, hiện chị M đang nuôi.

- Về cấp dưỡng cho con: Anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) cho cháu Q và cháu M (mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng).

Thực hiện từ tháng 9-2023 đến khi cháu Quyên, cháu M tròn 18 tuổi lao động được.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị M chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0020212 ngày 30-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong lệ phí.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + Anh T;
- + Chị M;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS.huyện Tân Phước;
- UBND xã Tân Lý Tây
- huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

M Thanh Liêm

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 205/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị M sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thiện, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Văn Bá sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thiện, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị M và ông Bùi Văn Bá.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà M và ông Bá có 04 con chung là Bùi Quốc Bửu sinh năm 1987, Bùi Quốc Bĩ sinh năm 1989, Bùi Anh Bình sinh năm 1991, Bùi Quốc Bảo sinh năm 1995. Tất cả đã thành niên.

- Về tài sản chung: Bà M và ông Bá không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Bà M chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 18870 ngày 11-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, như vậy hoàn lại bà M số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + Bà M;
- + Ông Bá;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Tân Phước;
- Chi cục THADS H.Tân Phước;
- UBND xã Thạnh Mỹ;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN**Hồ Thị Kim Hương**

SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TRANH CHẤP

Nguyên đơn: Lương Văn Bế sinh năm 1970

Bị đơn: Lê Thị Mến sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Vinh, xã Tân Lập 2, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.